

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày: 09-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮKNÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Trần Duy Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1966 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn Q, sinh năm 1972 – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 8, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trong quá trình giải quyết vụ án:

Do mối quan hệ quen biết, làm ăn nên vợ chồng ông R đã nhiều lần cho ông Huỳnh Tấn Q vay tiền, đến ngày 05/10/2018 hai bên chốt nợ thì ông Q còn nợ vợ chồng ông R số tiền 5.577.620.000 đồng (Năm tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), hẹn hai tháng kể từ ngày lập giấy ông Q sẽ trả đủ tiền gốc và tiền lãi với lãi suất ngân hàng tại thời điểm trả nợ. Giấy chốt nợ do ông Q tự lập và ký nhận nợ. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông R đã yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Q không có khả năng trả và xin khất nợ đến cuối năm 2019 sẽ trả nợ và chịu lãi theo lãi suất ngân hàng (thỏa thuận miệng), vợ chồng ông R đồng ý. Nhưng ông Q tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy ông R khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh Tấn Q phải trả số tiền nợ gốc là 5.577.620.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ sau cùng là ngày 31/12/2019 đến nay.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án: Bà T hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông R, đề nghị Tòa án buộc ông Q phải trả số tiền nợ gốc là 5.577.620.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ sau cùng là ngày 31/12/2019 đến nay.

Ông R, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Q trả số tiền nợ gốc là 5.577.620.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ sau cùng là ngày 31/12/2019 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Huỳnh Tấn Q xác định ông Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 8, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương, không cắt chuyển hộ khẩu.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn Q nhưng bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc. Ông Q chỉ có bản khai thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ gốc, lãi theo yêu cầu của ông R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt làm việc tại Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn R, buộc ông Huỳnh Tấn Q phải trả cho ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 5.577.620.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm, cụ thể: $5.577.620.000đ \times 10\%/năm \times 32 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 1.493.760.500 \text{ đồng}$, tổng cộng là 7.071.380.500 đồng.

Về án phí: Ông Huỳnh Tấn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Tấn Q phải trả số tiền vay được chốt vào ngày 05/10/2018, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Tấn Q có địa chỉ cư trú tại thôn 8, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng quy định về thời hiệu quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Ông Nguyễn Văn R yêu cầu ông Huỳnh Tấn Q phải trả số tiền gốc đã vay là 5.577.620.000 đồng theo giấy xác nhận nợ đề ngày 05/10/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Huỳnh Tấn Q, tuy nhiên ông Q vắng mặt không có lý do nên được coi là ông Q đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng và phải chịu hậu quả của việc không tham gia tố tụng.

Về chữ viết, chữ ký tên của ông Huỳnh Tấn Q trong giấy xác nhận nợ do ông Nguyễn Văn R cung cấp, ông R khẳng định đây là chữ ký, chữ viết tên của ông Q và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cam đoan của mình. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông Q đã có bản trình bày ý kiến thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của ông R.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R đã

đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy xác nhận nợ đề ngày 05/10/2018, ông Q cũng thừa nhận nợ. Ông Q có nghĩa vụ trả tiền đã vay theo thỏa thuận nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bỏ đi khỏi địa phương. Vì vậy, ông R yêu cầu ông Q phải trả số tiền đã vay là 5.577.620.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Khi lập giấy xác nhận nợ, các bên có thỏa thuận về nghĩa vụ trả tiền lãi với lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm trả nợ. Ông R chỉ có yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cuối cùng, ngày 31/12/2019 đến nay với lãi suất 10%/năm, ông Q cũng đồng ý với yêu cầu tính lãi của ông R nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông R, cụ thể:

Tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử, ngày 09/9/2022, mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với số tiền 5.577.620.000 đồng: $5.577.620.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 1.493.760.500 \text{ đồng}$.

[3] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông Q khẳng định khoản vay là nghĩa vụ của cá nhân ông Q, không liên quan đến ai khác, mặt khác ông R cũng chỉ khởi kiện yêu cầu ông Q trả nợ nên cần buộc ông Q có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[4] Đối với số tiền cho vay 5.577.620.000 đồng là tài sản chung của ông R và bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết vụ án bà T cũng có yêu cầu ông Q trả nợ nên cần buộc ông Q trả nợ gốc và lãi cho ông R, bà T.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R. Buộc ông Huỳnh Tấn Q phải trả cho ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 5.577.620.000 đồng và 1.493.760.500 đồng tiền lãi, tổng cộng là 7.071.380.500 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Huỳnh Tấn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về tiền tạm ứng án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R được chấp nhận nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn R.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 351; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468 của của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Huỳnh Tấn Q phải trả cho ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T số tiền 7.071.380.500 đồng (Bảy tỷ không trăm bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng), trong đó: Tiền gốc là 5.577.620.000 đồng (Năm tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 1.493.760.500 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Tấn Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Q phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Tấn Q phải chịu 115.071.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu